

# Kinh tế học Phật giáo: từ lý thuyết đến thực tiễn ở Việt Nam

Phạm Thanh Hằng\*

Nhận ngày 14 tháng 4 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 8 năm 2022.

**Tóm tắt:** Kinh tế học Phật giáo (Buddhist Economics) là một lĩnh vực nghiên cứu còn khá non trẻ, mới chỉ xuất hiện trong lịch sử khoảng hơn nửa thế kỷ. Một số người cho rằng, kinh tế học Phật giáo chỉ liên quan đến một hệ tư tưởng tôn giáo khác xa với xã hội hiện đại hoặc nó chỉ hữu ích ở một vài quốc gia có niềm tin Phật giáo mạnh mẽ. Trên thực tế, ngành khoa học non trẻ này không cô lập và cắt đứt mối liên hệ của nó với các ngành, lĩnh vực rộng lớn khác trong tổng thể các hoạt động của con người như cách tiếp cận thông thường của kinh tế học mà nó hướng tới giải quyết hài hòa các vấn đề cá nhân, xã hội và môi trường trong mục tiêu chung là cộng sinh lẫn nhau. Bài viết khảo cứu cơ sở lý thuyết của kinh tế học Phật giáo và thực tiễn phát triển kinh tế Phật giáo ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế học Phật giáo, lý thuyết, thực tiễn, Việt Nam.

**Phân loại ngành:** Triết học

**Abstract:** Buddhist economics is a relatively young field of study, which has only appeared in history for more than half a century. Some argue that Buddhist economics is only concerned with a religious ideology that is far from modern society, or that it is only useful in a few countries with strong Buddhist beliefs. In fact, this nascent science does not isolate and cut off its connection with other broad disciplines and fields in the totality of human activities as the conventional approach of economics does, rather it aims at harmoniously solving individual, social and environmental problems in the common goal of mutual symbiosis. The article examines the theoretical basis of Buddhist economics and the practice of Buddhist economic development in Vietnam.

**Keywords:** Buddhist economics, theory, practice, Vietnam.

**Subject classification:** Philosophy

## 1. Mở đầu

Tư duy kinh tế đã sớm xuất hiện từ thời Platon và Aristotle nhưng kinh tế học chỉ thực sự trở thành một ngành nghiên cứu độc lập trong thời đại công nghiệp hóa. Giống như các ngành khoa học khác xuất hiện trong thời kỳ chuyên môn hóa này, kinh tế học đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu hẹp và biệt lập, dường như không liên quan đến các hoạt động khác của con người cũng như không liên quan đến các ngành khoa học khác. Xét về mặt lý thuyết, khoa học có thể giải quyết những vấn đề đan xen, phức tạp mà nhân loại đang phải đối mặt. Nhưng vì kinh tế học cắt đứt mối liên hệ của nó với các ngành khác và các lĩnh vực hoạt động vô cùng rộng lớn của con người nên nó tỏ ra bất lực khi đối mặt với các vấn đề đạo đức, xã hội và môi trường trong thời đại ngày nay. Hơn nữa, nó còn tác động lớn đến nền kinh tế thị trường ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trên thực tế, tư duy kinh tế hạn hẹp đã trở thành nguồn gốc chính dẫn tới các vấn đề xã hội cấp bách và

---

\* Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.  
Email: thanhhangh2015@gmail.com

khủng hoảng môi trường của chúng ta. Các vấn đề môi trường đang trở nên cấp bách hơn bao giờ hết, tới mức mọi người bắt đầu nhận thức ra rằng, tiếp cận khoa học ở góc độ đơn lẻ, cô lập và bỏ qua cái nhìn tổng thể là hoàn toàn sai lầm. Họ bắt đầu chú trọng nhìn nhận, đánh giá các hoạt động của con người ở lĩnh vực rộng lớn hơn và quan tâm đến tác động của các hoạt động này đến đời sống cá nhân, xã hội và môi trường.

Từ quan điểm Phật giáo, kinh tế học không bị cô lập khỏi các nhánh kiến thức khác. Kinh tế học không gì khác hơn chính là một phần không thể thiếu trong những nỗ lực giải quyết các vấn đề của con người. Kinh tế học dựa trên nền tảng Phật giáo, hay kinh tế học Phật giáo, do đó, chắc chắn không phải là môn khoa học độc lập mà nằm trong tổng thể các môn khoa học có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Kinh tế học Phật giáo góp phần trực tiếp giải quyết các vấn đề xã hội, cá nhân và môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

## 2. Cơ sở lý thuyết của kinh tế học Phật giáo

Kinh tế học Phật giáo, theo nhãn quan của các học giả phương Tây, là tư tưởng kinh tế trong Phật giáo hoặc tư tưởng Phật giáo trong kinh tế học. Kinh tế học Phật giáo là một sản phẩm của phản ứng với kinh tế học hiện đại. “Bằng cách đưa các yếu tố đạo đức vào kinh tế học phương Tây, kinh tế học Phật giáo cung cấp một loạt các nghiên cứu lý thuyết cho tất cả các ngành kinh tế, từ mối quan hệ cung và cầu, tiền tệ, kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, cho vay, tỷ lệ lãi suất đến các mô hình kinh tế và dự báo toàn cầu”; “Hiện tại, mục đích chính của Phật giáo vẫn là một loại giáo dục. Thông qua hiểu biết về kinh tế học Phật giáo, mọi người có thể lập kế hoạch cho tương lai, tìm kiếm điểm chung trong khi bảo lưu sự khác biệt và cùng tồn tại hòa bình” (Sun Jian Ling, 2009).

Một trong những nỗ lực sớm nhất nhằm đưa những lời giảng dạy của đức Phật kết hợp với kinh tế học là cuốn sách “Small is Beautiful: A study of Economics as if people mattered” của nhà kinh tế học người Anh E.F. Schumacher. Thuật ngữ “kinh tế học Phật giáo” được ông đưa ra vào năm 1955 khi ông làm cố vấn kinh tế cho Thủ tướng Myanmar. Sau đó, kinh tế học Phật giáo được xuất bản trong “Asia: A handbook” vào năm 1966 và vào năm 1973 được đưa vào tuyển tập có ảnh hưởng của Schumacher “Small is Beautiful: A study of Economics as if people mattered”. Kinh tế học Phật giáo trước hết là sự phản ánh kiến thức về phát triển kinh tế theo quan điểm của Phật giáo. Khi luận giải về kinh tế học Phật giáo, Schumacher bắt đầu với “Bát chính đạo” trong giáo lý Phật giáo. Ông đã xem xét tính hợp pháp của các hoạt động kinh tế hiện đại từ một trong “Bát chính đạo” của Phật giáo, đó là “chính mệnh”. Ông nhấn mạnh, “chính mệnh” (right livelihood) chính là phương thức sống đúng đắn hay lối sống đúng đắn, đó là điều cần thiết của một nền kinh tế học Phật giáo. Đây cũng là xuất phát điểm quan trọng trong lập luận của Schumacher. Ông cũng chứng minh rằng, tư tưởng “trung đạo” có giá trị vô cùng quan trọng trong kinh tế học. Ông lập luận, “cản trở sự giải thoát không phải do sự giàu có mà do sự cố chấp theo đuổi sự giàu có, cản trở sự giải thoát không phải việc hưởng thụ những thú vui mà do sự khao khát những thú vui ấy. Do đó, cái đích chính của kinh tế học Phật giáo là sự đơn giản và phi bạo lực” (Tập bài giảng Triết học, 2022).

E.F.Schumacher đã từng phát biểu rằng, “chúng ta sẽ tìm hiểu việc sau khi nền tảng kinh tế của chủ nghĩa duy vật phương Tây bị loại bỏ và thay thế bằng giáo lý Phật giáo thì luật kinh tế sẽ thế nào và dẫn tới sự thay đổi gì trong các khái niệm về “kinh tế” và “phi kinh tế”” (Tập bài giảng Triết học, 2021). Loại kinh tế học này là kinh tế học theo đuổi “giá trị cuối cùng của sự phát triển kinh tế”, vì vậy nó là một loại “siêu kinh tế học”, “kinh tế học phát triển mới” và “kinh tế học hòa bình”.

*Trước tiên*, Schumacher cho rằng, kinh tế học Phật giáo là loại “siêu kinh tế học”, tức là loại kinh tế học được công chúng chấp nhận và dẫn đầu trong lĩnh vực khoa học về lợi ích và tiện ích, nó khiến cho người ta theo đuổi sự giàu có nhưng luôn gắn với việc nâng cao những giá trị đạo đức. Tôn giáo trong kinh tế học có những giáo điều đạo đức riêng của nó, điều răn đầu tiên chính là

hành vi kinh tế trong các tình huống khác nhau khi bạn tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm hay tư duy kinh tế rút ra từ sự thiêng liêng của cuộc sống... Đối với Phật giáo, Phật tử quan tâm đến sự giải thoát nhưng con đường giải thoát của Phật giáo là con đường “trung đạo” nên nó không đối lập với phúc lợi vật chất. Và theo quan điểm của các nhà kinh tế học, phần hấp dẫn của lối sống Phật giáo là tính hợp lý tuyệt đối trong hành vi của nó - không thể tin được rằng “Small is beauty”, tức là nhỏ nhưng lại khiến người ta có thể đạt được kết quả cực kỳ hài lòng (Tập bài giảng Triết học, 2021). Kinh tế học Phật giáo không phải là sự sửa chữa cho kinh tế học chính thống, mà là đối mặt với những sai sót cơ bản trong tư duy kinh tế toàn cầu và theo đuổi giá trị cuối cùng của sự phát triển kinh tế nhân loại, là trách nhiệm của nó ở cấp độ một loại “siêu kinh tế”.

*Thứ hai*, kinh tế học Phật giáo là “kinh tế học phát triển mới”. Con đường phát triển kinh tế theo mô hình công nghiệp hóa của phương Tây không chỉ làm gia tăng tốc độ cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường mà còn đẩy các nước đang phát triển vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan” do “tăng trưởng mà không phát triển”. Có một nhận thức phổ biến rằng, nguồn gốc của của cải là sức lao động của con người, nhưng “nền giáo dục dành cho các nhà kinh tế học hiện đại khiến họ xem lao động và việc làm như một thứ thấp kém”. Từ góc nhìn của người chủ, trong mọi trường hợp thì lao động cũng đơn giản là một món hàng có giá cả, phải được giảm lược đến một mức tối thiểu thông qua sự tự động hóa, nếu không thể loại bỏ nó hết được. Từ góc nhìn của người lao động, làm việc là chấp nhận hi sinh sự nhân ái và thoải mái của một người, và tiền lương là một loại đền bù cho sự hi sinh ấy. Vì thế, lý tưởng từ góc nhìn của người chủ là phải có sản lượng mà không cần người lao động, và lý tưởng từ góc nhìn của người lao động là phải có thu nhập mà không cần làm việc.

Trong khi đó, “lao động” trong quan niệm Phật giáo có ít nhất ba chức năng: tạo cho con người cơ hội nuôi dưỡng và phát triển năng lực cá nhân; giúp con người vượt qua cái tôi ích kỷ của mình bằng cách tham gia cùng với những người khác trong một nhiệm vụ chung; mang lại cho con người những hàng hóa và dịch vụ cần thiết để tồn tại. Do đó, tổ chức công việc theo một cách vô nghĩa, nhàm chán, không hiệu quả hay tra tấn tinh thần bị coi là một sự phạm tội, nó cho thấy sự coi trọng vật chất hơn con người. Cũng tương tự như vậy, theo đuổi sự thư nhàn thay vì lao động được coi là một sự hiểu nhầm hoàn toàn về một trong những chân lý cơ bản nhất của nhân loại. Chân lý ấy nói rằng, lao động và giải trí là những phần bù trừ cho nhau của cùng một quá trình sống và không thể tách rời. Theo cách đó, “lao động là sự mở ra các hoạt động trong bối cảnh con người có phẩm giá và tự do. Tất cả những ai lao động đều được ban phước và sản phẩm của họ cũng vậy” (Tập bài giảng Triết học, 2021). Như vậy, theo quan điểm của Phật giáo, có hai loại cơ giới hóa cần phải được phân biệt rõ ràng: một loại củng cố kỹ năng và năng lực của con người; còn loại kia biến con người thành nô lệ của máy móc (Tập bài giảng Triết học, 2021).

Thật không may, mô hình công nghiệp hóa hoặc khiến cho con người trở thành nô lệ của máy móc và làm sai lệch ý nghĩa của lao động, hoặc khiến cho con người mất đi cơ hội việc làm và nguồn sống. Liệu hiện đại hóa theo phương thức bỏ qua các giá trị tôn giáo và tinh thần hiện tại có thực sự mang lại kết quả khả quan hay không. Ít nhất theo như công chúng lo ngại, kết quả có vẻ thực sự khủng khiếp - đó là sự sụp đổ của nền kinh tế nông thôn và tình trạng thất nghiệp ở thành phố (E.F.Schumacher, 2007). Vì lý do này, Schumacher đề xuất sử dụng “công nghệ trung gian” để giải quyết các vấn đề đói nghèo, thất nghiệp và suy thoái nông thôn ở các nước đang phát triển. Lý thuyết phát triển này được khái quát thành hai cảnh báo: quy mô vừa phải và kỹ thuật vừa phải. Đây là một công cuộc tìm kiếm sự phát triển, tìm ra “chính mệnh” trong con đường “trung đạo”. Tương ứng với điều này là niềm tin rằng các sản phẩm đến từ nguồn tài nguyên ở địa phương và đáp ứng nhu cầu địa phương là phương thức hợp lý nhất của đời sống kinh tế. Thái độ này giúp tìm ra con đường đúng đắn phù hợp với sự phát triển kinh tế của mọi quốc gia.

*Thứ ba*, kinh tế học Phật giáo là loại “kinh tế học hòa bình”. E.F.Schumacher tin rằng, “cuộc sống sẽ trở nên trống rỗng biết bao khi bị ám ảnh bởi việc theo đuổi vật chất và bỏ qua các mục tiêu tinh thần. Cách sống này chắc chắn sẽ dẫn tới sự đối kháng giữa người với người, giữa các quốc gia với các quốc gia. Bởi vì, nhu cầu của con người là vô tận và sự vô tận đó chỉ đạt được trong lĩnh vực tinh thần chứ không thể đạt được trong lĩnh vực vật chất”. Và rằng “con người không chinh phục thế giới bằng việc nâng cao phẩm giá của mình mà chinh phục thế giới thông qua nỗ lực sử dụng của cải, quyền lực, khoa học hoặc bất kỳ trò chơi nào để tìm kiếm sự ưu việt”; “đây là nguyên nhân thực sự của chiến tranh” và nếu không loại bỏ lối sống này thì “những cố gắng tạo nền tảng cho hoà bình là ảo tưởng” (Tập bài giảng Triết học, 2021).

Vì lý do này, kinh tế học Phật giáo cố gắng tối đa hóa sự thỏa mãn của con người thông qua cách tiêu dùng hợp lý nhất (tối ưu hóa tiêu dùng), trong khi kinh tế học hiện đại cố gắng tối đa hóa tiêu dùng thông qua cách sản xuất tốt nhất. Rõ ràng, đây là nỗ lực duy trì một phương thức sống theo cách tiêu dùng hợp lý nhất, nỗ lực này nhỏ hơn rất nhiều so với nỗ lực duy trì động lực tối đa hóa tiêu dùng. Và “khi các nguồn lực vật chất được trải dài khắp nơi, những người sử dụng nguồn lực này một cách hợp lý để đáp ứng nhu cầu của họ, sẽ tránh được sự giết hại lẫn nhau hơn những người có nhu cầu sử dụng cao. Tương tự như vậy, những người sống ở các cộng đồng địa phương tự cung tự cấp ít có khả năng gia nhập vào các cuộc bạo loạn ở quy mô lớn hơn những người kiếm sống dựa vào hệ thống thương mại toàn cầu” (Tập bài giảng Triết học, 2021). Các cuộc chiến tranh do con người gây ra để tranh giành tài nguyên và thị trường chưa dừng lại sau sự kết thúc của hai cuộc chiến tranh thế giới. Để tìm kiếm hòa bình thế giới, cần sự thực hành dẫn tới hòa bình. Sự thực hành đó đòi hỏi nhiều nỗ lực, đó là “các quy tắc vàng về đạo đức” của các nền văn minh lớn trên thế giới (bao gồm cả tôn giáo, trong đó có Phật giáo) để có thể tích hợp vào đạo đức toàn cầu của xã hội hiện đại, từ đó thúc đẩy sự chung sống hòa bình giữa mọi người và giữa các quốc gia.

Ngày nay, học giả nghiên cứu chính về kinh tế học Phật giáo là hòa thượng Phra Brahmaganabhorn (P.A.Payutto) ở Thái Lan, tác giả cuốn *Kinh tế học Phật giáo* (Buddhist Economics) được xuất bản năm 1992 và tiếp tục được tái bản năm 1994. Cuốn sách được các dịch giả người Anh là Dhammavijaya và Bruce Evans dịch sang bản tiếng Anh và đã gây được phản ứng tích cực trong giới học giả phương Tây. Năm 1994, cuốn sách đã giành được giải thưởng Giáo dục hòa bình Unesco tại Pháp. Trong cuốn sách, tác giả đã kết hợp trí tuệ Phật giáo phương Đông cổ đại với kiến thức kinh tế học hiện đại nhằm hướng tới việc chẩn đoán và chữa trị những vấn đề tiêu cực mà kinh tế thị trường đem lại cho con người, chẳng hạn tăng trưởng quá nóng, phát triển vô hạn, tiêu thụ và sản xuất quá mức.

Câu hỏi đầu tiên mà P.A.Payutto đặt ra khi thảo luận về kinh tế học Phật giáo, đó là liệu có một ngành khoa học như vậy tồn tại? Một vị hòa thượng Phật giáo cô đơn đi trên hành trình khát thực, cảnh tượng này đối với hầu hết mọi người không gắn liền với hoạt động kinh tế. Những tòa nhà chọc trời, trung tâm mua sắm và sàn giao dịch chứng khoán mới là nơi thích hợp để liên tưởng đến vấn đề kinh tế học. P.A.Payutto cho rằng, kinh tế học mà chúng ta vẫn thường nhắc tới là kinh tế học phương Tây. Từ vựng, khuôn khổ khái niệm và hệ thống lý thuyết mà chúng ta sử dụng khi thảo luận và suy nghĩ về các vấn đề kinh tế đều là của phương Tây. Do đó, khi đề cập đến một loại kinh tế học Phật giáo, chúng ta khó tránh khỏi những ràng buộc trong suy nghĩ như vậy. Tuy nhiên, trên thực tế, P.A.Payutto đã tìm ra một số quan điểm Phật giáo có khả năng áp dụng cho kinh tế học trong cuốn sách *Kinh tế học Phật giáo* của ông.

P.A.Payutto phân tích sâu hơn về tầm quan trọng của Phật giáo đối với sự hiểu biết về thế giới, đối với bản chất con người và những cân nhắc về phương diện đạo đức cho các hoạt động kinh tế từ quan điểm Phật giáo. Ông cũng xem xét các khái niệm kinh tế như: giá trị, tiêu dùng, sản xuất và

phi sản xuất, cạnh tranh và hợp tác, sự lựa chọn và sự hài lòng đồng thời tìm kiếm câu trả lời cho các vấn đề vai trò của sự giàu có và các giới hạn của nó, giàu có và sự phát triển tinh thần, cách đạo đức không chế kinh tế. Cuối cùng, ông đưa ra hai đặc điểm chính của “kinh tế học trung đạo” đó là: tìm kiếm phúc lợi chân chính, không làm tổn thương bản thân và không làm tổn thương người khác.

Kể từ sau P.A.Payutto, nhiều học giả là trí thức Phật giáo và các nhà bình luận Âu - Mỹ đã tìm cách xây dựng ý tưởng về kinh tế học Phật giáo dựa trên kinh điển để khắc phục những ảnh hưởng tai hại của kinh tế học hiện đại. Shérab Tendar là một học giả ở tu viện Tây Tạng, Trung Quốc, người đã đưa ra một khối lượng lớn các tác phẩm nổi tiếng về kinh tế học Phật giáo. Đóng góp của Shérab Tendar cho kinh tế học Phật giáo là khai thác sự kế thừa kinh điển rộng lớn của truyền thống Phật giáo Ấn Độ - Tây Tạng của ông.

Trước hết, kinh tế học Phật giáo của Shérab Tendar bắt nguồn từ nhân quả, nghiệp báo. Shérab Tendar nhận xét, nếu chúng ta bắt đầu bằng việc mua lại hoặc đánh mất của cải bằng điệp khúc quen thuộc, chúng ta không thể bỏ qua nghiệp từ kiếp trước, đây là nguồn gốc cuối cùng cho các nguyên nhân và điều kiện của sự giàu và nghèo. Điều kiện bên trong của sự giàu có là sự hào phóng và đạo đức, trong khi điều kiện bên trong của sự nghèo khó là sự keo kiệt và hành động phi đạo đức (như trộm cắp). Quan điểm của hành vi kinh tế tầm thường là đạt tới thịnh vượng, nhưng không nỗ lực đúng mức để có được của cải. Vì lý do đó, chúng ta cần tính đến cách mà những hành động đức hạnh từ kiếp trước trở thành sự giàu có trong kiếp này và tiềm năng của những hành động đức hạnh trong kiếp này để tạo ra của cải trong những kiếp sau. Từ việc đọc kinh điển Phật giáo đã thuyết phục Shérab Tendar rằng, phải thực hiện hành vi kinh tế có kỷ luật như một phần của việc tu thân (Matthew King, 2019).

Ngoài việc thảo luận về nhân quả và nghiệp báo, Shérab Tendar còn đề cập sâu sắc đến giá trị của của cải và cách thức sử dụng nó một cách phù hợp. Ông cũng yêu cầu các Phật tử phải làm ra càng nhiều của cải càng tốt để đóng góp vào phúc lợi rộng rãi của xã hội. Bên cạnh đó, khi đề cập đến vai trò của sự giàu có và hành vi kinh tế trong cộng đồng tu viện, ông cho rằng, cộng đồng tu sĩ cần phải từ bỏ sự giàu có và lòng ham muốn bởi nếu tích lũy nhiều của cải thì họ sẽ phá vỡ nhiều quy tắc. Vì lý do đó, giáo lý Phật giáo nói rằng: “Của cải giống như một ổ rắn độc hoặc than hồng trong đồng tro tàn của lửa. Và rằng, các nhà sư có thể kinh doanh nhưng chỉ vì lợi ích của Tam bảo” (Matthew King, 2019).

Có thể thấy, cả ba học giả từ Schumacher đến P.A.Payutto và Shérab Tendar đều nỗ lực sử dụng các lý thuyết và phương pháp kinh tế để nghiên cứu các hoạt động của Phật giáo, khám phá sự tương tác giữa Phật giáo với kinh tế đồng thời sử dụng các tư tưởng Phật giáo để quan sát các hoạt động kinh tế và tìm kiếm các biện pháp ứng phó với những hạn chế của nền kinh tế học hiện đại.

### **3. Thực tiễn phát triển kinh tế Phật giáo ở Việt Nam**

Ở Việt Nam, cơ sở lý thuyết và ý tưởng mới mẻ về nền kinh tế học Phật giáo trên thế giới đã gợi mở những góc tiếp cận mới về phát huy nguồn lực của Phật giáo trong phát triển nền kinh tế đương đại.

Lý thuyết truyền thống cho rằng, tôn giáo không chỉ cản trở sự tiến bộ xã hội với tư cách là một hình thái ý thức xã hội phù hợp với nền kinh tế lạc hậu mà còn chia rẽ của cải xã hội và cản trở sự phát triển kinh tế như một khu vực phi sản xuất. Kết luận này quá đơn giản và tùy tiện, ít nhất là không còn thích hợp với một tôn giáo thế giới như Phật giáo. Ngay cả trong lịch sử, “một lượng lớn của cải đã được tích lũy trong các ngôi chùa và một lượng lớn lao động được gắn trong các ngôi chùa sẽ không có tác động đến xã hội, nhưng những của cải và sức lao động này không chỉ đơn giản là biến mất khỏi xã hội mà là một loại chuyển giao bình đẳng. Trong một số điều kiện đặc biệt (như chiến tranh, thiên tai), chùa có chức năng như một bể chứa kinh tế. Chỉ cần cánh cổng được mở ra, của cải và lao động có thể chảy trở lại xã hội” (Mã Đức Lâm, 1987).

Không chỉ trong các nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn lịch sử, thực tiễn đời sống đương đại cũng có nhiều thí dụ cụ thể trong mỗi quốc gia cho thấy tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng quả thực có ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng kinh tế ngày nay (Đỗ Quang Hưng, 2018). Trong thế giới đương đại, không chỉ Phật giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc phát triển mà Phật giáo ở Đông Nam Á cũng đang thể hiện sự gắn kết ngày càng chặt chẽ hơn với nhiều chủ trương xã hội hóa khác nhau. Kinh tế của các ngôi chùa Phật giáo có xu hướng đi lên. Phật giáo đương đại có nhiều chức năng kinh tế tích cực như chức năng kinh tế tự cung tự cấp, chức năng kinh tế thương mại, chức năng kinh tế tài chính, chức năng kinh tế phúc lợi, chức năng kinh tế luân lý, chức năng kinh tế du lịch. Ngày nay, các hoạt động thương mại trong các ngôi chùa đã trở nên phổ biến, đặc biệt là sự bùng nổ một ngành công nghiệp không khói - du lịch tâm linh với sự hợp tác, đầu tư của các doanh nghiệp.

Việt Nam không nằm ngoài dòng xoáy chung của xu thế toàn cầu. Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề phát huy nguồn lực Phật giáo trong phát triển kinh tế ở một số ngôi chùa lớn ở Việt Nam hiện nay đang tồn tại luồng dư luận rất đa chiều. Quá trình kinh tế hóa Phật giáo ở nước ta đang đặt ra nhiều vấn đề rất đáng quan tâm từ phía chủ thể tôn giáo và từ phía nhà nước. Liệu Phật giáo có khả năng kích thích tăng trưởng kinh tế - xã hội, khắc phục được những khiếm khuyết của nền kinh tế thị trường và xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa kinh tế tự viện với giới luật, bản chất của Phật giáo. Đây đều là những vấn đề rất đáng lưu tâm. Trong quá trình phát triển kinh tế Phật giáo đương đại ở Việt Nam, theo tác giả, còn tồn tại một số vấn đề tiềm ẩn, đáng lo ngại như sau:

*Thứ nhất, thách thức hiện đại hóa kinh tế Phật giáo.* Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.171). Hiện nay, Phật giáo là tôn giáo lớn ở Việt Nam, có số lượng đông đảo quần chúng tín đồ, do đó, Phật giáo trở thành tôn giáo có tiềm lực lớn về vật chất và tinh thần.

Theo quan điểm của Phật giáo, nếu muốn phát huy tốt hơn vai trò của Phật giáo trong việc thanh lọc bầu không khí xã hội và định hình lại đạo đức xã hội, Phật giáo cần nguồn kinh phí nhất định để xây dựng, tu bổ chùa chiền, đào tạo tăng tài. Mục tiêu của Phật giáo là ngoài thế tục, nhưng sự tồn tại và phát triển của Phật giáo không thể tách rời môi trường thế tục (trong đó có môi trường kinh tế). Tác động của kinh tế đối với Phật giáo gồm hai mặt: khi kinh tế thịnh vượng, xã hội có thể cung cấp nhiều của cải vật chất hơn cho Phật giáo và Phật giáo có khả năng tìm kiếm sự phát triển dưới sự thúc đẩy của một cường quốc kinh tế mạnh; nhưng đồng thời kinh tế phát triển thịnh vượng cũng có thể dễ dàng đưa tới Phật giáo sự sùng bái tiền bạc, vật chất hoặc nếu Phật giáo sở hữu quá nhiều của cải có thể tạo nguy cơ suy thoái đạo đức trong nội bộ, khiến cho một số tu sĩ mê lạc nhân tâm, tham lam, dục vọng. Điều này không chỉ gây ảnh hưởng lớn đến đời sống tu hành cá nhân, mà còn làm tổn hại đến hình ảnh của Phật giáo. Chính vì vậy, chúng ta đang phải đương đầu với thách thức hiện đại hóa kinh tế Phật giáo. Đây là xu hướng cần ngăn chặn để Phật giáo vừa có thể hoàng pháp, mở rộng sức ảnh hưởng trong xã hội nhưng đồng thời vẫn giữ được chân giá trị, không bị phát triển thiên lệch, biến tướng.

*Thứ hai, định hướng động cơ kinh tế của các hoạt động Phật giáo.* Hoạt động Phật giáo có thể phân thành hai loại cơ bản: một là hoạt động tôn giáo, hai là hoạt động kinh tế. Hoạt động kinh tế trong các ngôi chùa chủ yếu là các hoạt động sản xuất và vận hành của nền kinh tế tự viện, như: lao động nông nghiệp, tổ chức hậu cần, cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho khách du lịch, hành hương. Những hoạt động này là cần thiết nhưng không được ảnh hưởng đến đời sống tu hành của tu sĩ và không cản trở quá trình Phật giáo hoàng dương Phật pháp, làm lợi cho chúng sinh. Hoạt động tôn giáo vốn là hoạt động chức nghiệp đầu tiên của tăng ni, tuy nhiên ở các mức độ khác nhau đã trở thành hoạt động

để mưu cầu danh lợi, vì vậy đây cần phải là trọng tâm của việc phân tích động cơ kinh tế. Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đã dạy các đệ tử rằng: “Giữ tịnh giới thì các thầy không được buôn, bán, đổi chác, sắm sửa đất nhà, nuôi người, tô tở và súc vật, lo việc gieo trồng, kinh doanh tài bảo. Tất cả việc này, hãy tránh như tránh hổ lửa” (WangTi, 1999). Thậm chí, “kể cả việc chặt phá cỏ cây và đào cuốc đất đai. Những việc chế thuốc thang, coi bói tướng, coi thiên văn, đoán thời tiết, tính lịch số, đều không thích hợp với các thầy” (kinh Di giáo). Theo đó, việc thích hợp với các thầy là “phải tự đoan tâm, chánh niệm” (Quảng Kiến, 2020).

Có thể thấy, Phật giáo có một số nguồn lực để tồn tại và phát triển, cụ thể như thông qua các hoạt động nghi lễ, tuy nhiên, việc theo đuổi quá mức nguồn lực vật chất đã vi phạm tư tưởng ban đầu của Đức Phật. Do đó, Đức Phật đã từng tiên đoán khi Ngài giải mộng cho A Nan trước khi Ngài lâm chung rằng: “Các vị Tỳ khuru sau này sẽ bán Như Lai vì tham lam lợi nhuận và tăng lợi tức, và họ sẽ dùng kinh xưng tụng làm phương tiện kiếm sống” (WangTi, 1999). Ở đây, động cơ kinh tế của các hoạt động Phật giáo sẽ luôn tồn tại một cách khách quan. Vấn đề là làm thế nào để hướng động cơ kinh tế của họ chuyển thành động cơ kinh tế siêu việt, vì lợi ích phổ quát của tất cả chúng sinh.

Hiện nay, ở một số ngôi chùa Phật giáo lớn ở Việt Nam (chiếm giữ nhiều kỷ lục nhất ở Việt Nam cũng như ở Đông Nam Á, châu Á, thậm chí là kỷ lục thế giới) có sự đầu tư nguồn kinh phí rất lớn từ các doanh nghiệp để phát triển khu du lịch tâm linh. Tuy nhiên, chúng ta cần xác định rõ rằng, nếu như các hoạt động kinh tế du lịch trong các ngôi chùa Phật giáo này có thể tạo ra nguồn lợi nhuận lớn thì lợi nhuận đó phải để tái đầu tư vì mục đích chung của cộng đồng chứ không phải để phân chia cho các chủ sở hữu và vô hình chung rơi vào túi của các chủ đầu tư, doanh nghiệp. Đây là bài toán nan giải đặt ra đối với các cơ sở Phật giáo và đối với môi trường luật pháp, chính sách tôn giáo của Nhà nước.

*Thứ ba, ngăn chặn xu hướng “dung tục hóa”, “thương mại hóa” trong quá trình “thế tục hóa” Phật giáo.* Theo quan điểm truyền thống, Phật giáo cần sự thanh tịnh, an nhiên, tự tại, không nhiễm bụi trần. Quá trình Phật giáo gia nhập vào đời sống thế tục không ngừng đặt ra những thách thức đối với quan điểm truyền thống của Phật giáo. Trong những thách thức đó, một số có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiếp nhận giáo lý Phật giáo của chúng sinh (như việc giảm bớt các nghi lễ khắt khe khiến cho phương pháp truyền giảng đạo pháp và hoàng pháp linh hoạt hơn, phù hợp hơn với đời sống hiện đại), trong khi một số thách thức có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đối với Phật giáo (đặc biệt là các vấn đề kinh tế trong các cơ sở thờ tự Phật giáo).

Trước tiên, đối với sự phát triển của kinh tế Phật giáo, đặc biệt là tài sản cá nhân và tình hình kinh tế của sư tăng cần phải được xử lý hết sức thận trọng. Bởi tăng đoàn Phật giáo rất cuộc là một đoàn thể theo đuổi sự giải thoát cho bản thân và chúng sinh, nếu như Phật giáo thách thức quá lớn đối với quan điểm truyền thống này thì hoàn toàn không lợi cho sự phát triển của chính bản thân Phật giáo.

Hơn nữa, quá trình thế tục hóa Phật giáo đang khiến cho đời sống tu hành gắn với tinh thần thụ hưởng của nền kinh tế thị trường và xã hội tiêu thụ, chạy theo các giá trị vật chất. Điều này đang kéo Phật giáo đi xuống, dẫn tới nhiều hiện tượng tiêu cực như buôn thần bán thánh, mê tín dị đoan... làm suy giảm niềm tin của tín đồ Phật tử vào con đường đến với sự giải thoát trong Phật giáo. Một số cơ sở thờ tự của Phật giáo được xây dựng bề thế ở nhiều địa phương nhưng chất tâm linh dường như ngày càng mờ nhạt. Có những cơ sở của Phật giáo bị dung tục hóa, tầm thường hóa, thương mại hóa, không còn giữ được vẻ thanh tịnh.

Chính vì vậy, thế tục hóa mà không bị thế tục chuyển hóa luôn là vấn đề hiện thực mà Phật giáo phải đối mặt. Kinh tế Phật giáo có phát triển rực rỡ đến đâu thì nó cũng không thể mất đi nét

bản chất của Phật giáo nguyên thủy. Suy cho đến cùng, “chức năng lớn nhất của Phật giáo là truyền bá Phật pháp thông qua văn hóa, giáo dục, thanh tịnh nhân tâm và cải thiện bầu không khí xã hội; thậm chí còn thông qua Phật pháp để khai mở trí tuệ, khiến cho mọi người hiểu được ý nghĩa của sự sống, nhờ đó giải tỏa những rắc rối, đạt tới sự thăng hoa về tinh thần, đó mới là bản chất của Phật giáo, là sự quý giá của Phật giáo” (Mãn Nghĩa, 2005, tr.152). Mục đích của sự phát triển kinh tế Phật giáo chính là không đánh mất bản chất của Phật giáo, hòa nhập sâu sắc vào triết lý của Phật giáo nhân gian, để triển khai sự nghiệp hoằng pháp làm lợi cho nhân sinh như văn hóa, giáo dục, từ thiện nhân đạo, thay vì thu lợi từ một thực thể kinh tế với quy mô lớn. Đó là vấn đề đáng suy ngẫm trong sự cân bằng hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế Phật giáo với giới luật và bản chất của Phật giáo.

#### 4. Kết luận

Với một hướng tiếp cận hoàn toàn mới dựa trên quan điểm của Phật giáo, kinh tế học Phật giáo thể hiện những nỗ lực lớn trong việc giải quyết những vấn nạn của đời sống nhân loại toàn cầu. Đó là sự cân bằng hài hòa vấn đề kinh tế với vấn đề đạo đức, phát triển bền vững gắn với lối sống “thiểu dục tri túc”, thân thiện với môi trường và bảo vệ trái đất. Áp dụng nguyên tắc của kinh tế học Phật giáo không đồng nghĩa với việc từ bỏ mô hình kinh tế hiện đại, thay vào đó là sự cải tiến và chọn lựa một hướng đi đúng để phát triển. Mô hình kinh tế học Phật giáo nếu như được nhìn nhận và soi chiếu trong các hoạt động kinh tế nói chung và trong phát triển kinh tế Phật giáo nói riêng ở các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, chắc chắn sẽ góp phần tối đa hóa phúc lợi cho mọi người, đó là con đường đúng, mục tiêu đúng để phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Mãn Nghĩa (2005), *Phật giáo nhân gian theo mô hình Tinh Vân*, Công ty xuất bản hữu hạn văn hóa Hương Hải, Hải Phòng.
3. Mã Đức Lâm (1987), *Tôn giáo, một hiện tượng văn hóa*, Nxb Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải, Trung Quốc.
4. WangTi (1999), *Tiểu sử của Thích Ca Mâu Ni*, Nxb Văn hóa tôn giáo, Bắc Kinh, Trung Quốc.
5. Các bài giảng Triết học (2021), “Sứ mệnh hàn lâm và những ý tưởng cơ bản của kinh tế học Phật giáo” (2021), tiếng Trung, [http://www.wuys.com/news/Article\\_Show.asp?ArticleID=41759](http://www.wuys.com/news/Article_Show.asp?ArticleID=41759), truy cập ngày 15/3/2021.
6. Các bài giảng Triết học (2022), “Sứ mệnh học thuật và ý tưởng cơ bản của kinh tế học Phật giáo”, tiếng Trung, [http://www.wuys.com/news/Article\\_Show.asp?ArticleID=41759](http://www.wuys.com/news/Article_Show.asp?ArticleID=41759), truy cập ngày 1/6/2022.
7. Đỗ Quang Hưng (2018), “Tôn giáo và tăng trưởng kinh tế, phòng chống tham nhũng”, <http://matran.org.vn/hoi-dong-tu-van/ton-giao-va-tang-truong-kinh-te-phong-chong-tham-nhung-11387.html>, truy cập ngày 1/6/2022.
8. Quảng Kiến (2020), “Tu sĩ có được phép kinh doanh, buôn bán?”, <https://giacngo.vn/tu-si-co-duoc-phep-kinh-doanh-buon-ban-post51948.html>, truy cập ngày 1/6/2022.
9. Matthew King (2019), “Buddhist Economics: Scales of Value in Global Exchange”, <https://www.oxfordhandbooks.com/view/10.1093/oxfordhb/9780199935420.001.0001/oxfordhb-9780199935420-e-64?rskey=CFTsdx&result=4>, truy cập ngày 1/6/2022.
10. Sun Jian Ling (2009), “Luận cương kinh tế học Phật giáo”, <http://www.pacilution.com/ShowArticle.asp?ArticleID=2600>, truy cập ngày 1/6/2022.